

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LASO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LASO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LASO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LASO PHARMA

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110240614

**3. Ngày thành lập:** 02/02/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 346, đường Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0367818686

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>(Không bao gồm bán đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                         | 4610        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                             | 4620        |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thực phẩm chức năng;<br>- Bán buôn cà phê;<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;<br>- Bán buôn thủy sản;<br>- Bán buôn rau, quả;<br>- Bán buôn chè; | 4632        |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633        |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>- Bán buôn trang thiết bị y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;                                                                                                                           | 4649(Chính) |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;                                                                                                                                                                                                                      | 4659        |
| 8.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                       | 4661        |

|     |                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); | 4669 |
| 10. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                                                                               | 0118 |
| 11. | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                   | 0121 |
| 12. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                         | 0122 |
| 13. | Trồng cây điều                                                                                                                                                                                                     | 0123 |
| 14. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                                                                                                  | 0124 |
| 15. | Trồng cây cao su                                                                                                                                                                                                   | 0125 |
| 16. | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                                                                   | 0126 |
| 17. | Trồng cây chè                                                                                                                                                                                                      | 0127 |
| 18. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                            | 0128 |
| 19. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                | 0131 |
| 20. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                                                                                      | 0141 |
| 21. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                                                                                | 0145 |
| 22. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                                  | 0146 |
| 23. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                                                                     | 0149 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                       | 0161 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                                                                                        | 0162 |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                          | 8230 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                               | 8299 |
| 28. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, pháp luật, chứng khoán)                                                                      | 6619 |
| 29. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;                                                                                        | 6810 |
| 30. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn bất động sản;<br>- Quản lý bất động sản;<br>- Môi giới bất động sản;<br>- Sàn giao dịch bất động sản;                   | 6820 |
| 31. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, pháp luật, chứng khoán)                                                                                                                                         | 7020 |
| 32. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 33. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                           | 7320 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;                                                                                                                                                               | 7490 |
| 35. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                      | 4690 |
| 36. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                              | 4711 |
| 37. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                        | 4719 |
| 38. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 39. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                    | 4723 |
| 40. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                      | 1030 |
| 41. | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh                                                                                                                                                                                                                                     | 1101 |
| 42. | Sản xuất rượu vang                                                                                                                                                                                                                                                                | 1102 |
| 43. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                           | 1104 |
| 44. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                                                                                                                                                           | 2021 |
| 45. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                                                            | 2023 |
| 46. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc các loại;                                                                                                                                                                                                       | 2100 |
| 47. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                             | 2392 |
| 48. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 49. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa;<br>- Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng;                                                                                    | 3250 |
| 50. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe;                                                                                                                                                                                             | 3290 |
| 51. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4759 |
| 52. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền;<br>- Bán lẻ trang thiết bị y tế;<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4772 |



\* Họ và tên: PHẠM THỊ HOÀI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 24/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037184016066

Ngày cấp: 01/09/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 04 phố Phúc Hưng, Phường Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 04 phố Phúc Hưng, Phường Phúc Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội